

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N G
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 07/2025/HS-ST

Ngày 19-02-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N G, TỈNH QUẢNG NAM**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Trung.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Alăng Vượt

Ông Nguyễn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông CLâu Thìn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N G, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N G, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Linh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N G, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/HSST-QĐ ngày 23/01/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh H, Sinh năm 1993; Quê quán: Cẩm Ch, H A, Quảng Nam. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 64, phường Hòa Q, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1966 và bà Trần Thị C, sinh năm 1970, bị cáo có vợ bà Phạm Thị Minh H1, sinh năm 1995 (đã ly hôn) và một con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án; tiền sự: Chưa; Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N G từ ngày 21/6/2024 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ Bị hại: Bà Trần Thị X, Sinh năm 1953; Trú tại Tổ dân phố D, thị trấn Thạnh M, huyện N G, tỉnh Quảng Nam. (Vắng mặt)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn X1, Sinh năm 1984; Trú tại: Tổ dân phố Thạnh M 2, thị trấn Thạnh M, huyện N G, tỉnh Quảng Nam. (Vắng mặt).

Bà Phạm Thị Minh L, Sinh năm 1989; (Vắng mặt).

Bà Phạm Thị Minh H1, Sinh năm 1995; (Vắng mặt).

Cùng trú: Tổ 60, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 24 tháng 07 năm 2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện N G, tỉnh Quảng Nam đã tiếp nhận đơn tố giác của bà Trần Thị X, trú tại thôn D, thị trấn Thạnh M, huyện N G, tỉnh Quang Nam tố cáo bị cáo H về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Kết quả điều tra xác định được như sau:

Do cần tiền để đầu tư mua bán nông sản từ Lào về Việt Nam, ngày 07/03/2021, bị cáo H gặp được bà X đã đặt vấn đề với bà X về việc vay mượn tiền, nghe vậy bà X đồng ý và dẫn bị cáo H về nhà mình. Tại đây hai bên thỏa thuận, thống nhất về việc bị cáo H vay số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) của bà X, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 02%/01 tháng, trả góp tiền gốc bằng số tiền lãi của từng tháng, đổi lại, bị cáo H viết một giấy vay tiền và giao cho bà X một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 14 khu B, tờ bản đồ số 01-2017, địa chỉ Tổ 2, Thạnh M 2, Thạnh M, N G, Quảng Nam, do bị cáo H đứng tên để làm tin. Thực chất thửa đất này là của chị vợ của bị cáo H bà Phạm Thị Minh L, trú tại: Tổ 60, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng, đầu tư và nhờ bị cáo H đầu giá, đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi được cấp quyền sử dụng đất, bị cáo H có xin mượn bà L vài tháng để đi vay tiền đầu tư kinh doanh. Sau khi thống nhất, thỏa thuận và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên xong, bị cáo H ra về, hôm sau (*ngày 08/03/2021*), bà X chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo H số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) như đã thỏa thuận trước đó. Hằng tháng bị cáo H đều chuyển tiền lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) và tiền gốc là 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) cho bà X, tương ứng với mức 02%/01 tháng như đã thỏa thuận.

Đến khoảng tháng 08/2021, do bà Phạm Thị Minh L nhiều lần hỏi về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nên bị cáo H nảy sinh ý định làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giống với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất đã giao cho bà X. Bị cáo H lên mạng xã hội tìm kiếm và liên hệ với đối tượng chuyên làm giả giấy tờ, tài liệu (*không xác định được thông tin, lai lịch*), bị cáo H cung cấp cho người này hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 14 khu B và đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đối với thửa đất này với giá tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Vài ngày sau, bị cáo H nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả qua hình thức giao hàng, thu hộ và luôn mang theo bên người.

Từ tháng 4/2021 đến ngày 10/11/2021, bị cáo H đã trả tiền lãi cho bà X với số tiền là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) và trả tiền gốc là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*), số tiền còn lại bị cáo H nợ bà Xuân là 168.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*). Ngày 10/11/2021, bị cáo H đến nhà bà X với ý định trả số tiền đã vay trước đó. Tại đây, qua nói chuyện, nghe bà X nói có thể cho vay tiếp, với điều kiện là phải có tài sản hoặc vật giá trị để làm tin, bị cáo H đã đổi ý không trả nợ nữa, tiếp tục xin vay tiền của bà X. Đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 14 khu B, hai bên thống nhất là bị cáo H sẽ phải trả theo mức ban đầu là 02%/01 tháng của số tiền nêu trên.

Tiếp đó hai bên thống nhất là bị cáo H vay số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) của bà X với thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 02%/01 tháng, trả góp tiền gốc bằng số tiền lãi của từng tháng. Sau khi thống nhất các điều khoản trên, bị cáo H viết một giấy vay tiền và giao một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 13 khu B, tờ bản đồ số 01-2017, địa chỉ Tổ 2, Thạnh M 2, Thạnh M, N G, Quảng Nam của bị cáo H cho bà X để làm tin. Trong lúc viết giấy vay tiền, thấy bà X mang ra một tập tài liệu, trong đó có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 14 khu B đã giao cho bà X để làm tin trước đó, bị cáo H nảy sinh ý định lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Nhân lúc bà X sơ hở, bị cáo H liền lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cất vào trong người và lấy ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số 14 khu B giả để lại vào tập tài liệu của bà X, rồi ra về. Ngày hôm sau, bà X chuyển khoản số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) như đã thỏa thuận cho bị cáo H (tổng số tiền vay hai lần là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*)). Ngoài ra, trong năm 2021, bà X nhiều lần cho bị cáo H mượn tiền (không nhớ rõ thời gian) với tổng số tiền 46.500.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*), số tiền cho vay này bà X không tính lãi suất. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 9/2022, hằng tháng, bị cáo H vẫn trả lãi và góp tiền gốc đều đặn cho bà X đối với hai khoản vay trên.

Sau khi lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 14 khu B, khoảng tháng 7/2022, bị cáo H đã làm thủ tục chuyển nhượng lại cho bà Phạm Thị Minh L đối với thửa đất trên, vì thực chất đây là thửa đất bà L đầu tư vào nhờ bị cáo H đứng tên nên bị cáo H không nhận lợi ích nào từ việc chuyển nhượng này.

Do làm ăn thua lỗ, nên từ tháng 10/2022, bị cáo H không có khả năng trả lãi và góp tiền gốc cho bà X. Bà X nhiều lần hỏi thúc bị cáo H trả tiền. Nhận thấy bị cáo H không chịu trả nợ, Bà X đề nghị bị cáo H bán lại quyền sử dụng đất trên để thanh toán bớt các khoản nợ, thì bị cáo H đồng ý. Sau đó, bà X giới thiệu để bị cáo H chuyển quyền sử dụng đất tại thửa đất số 13 khu B được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13 khu B cho ông Trần Văn X1, trú tại: Tổ dân phố Thanh M 2, thị trấn Thanh M, huyện N G, tỉnh Quảng Nam với giá 360.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*). Sau khi bán được thửa đất này, bị cáo H yêu cầu ông Trần Văn X1 chuyển trả cho bà X 290.000.000 đồng (*Hai trăm chín mươi triệu đồng*), còn lại là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) bị cáo H chiếm đoạt và tiêu sài cho mục đích cá nhân.

Sau đó, bà X tiếp tục yêu cầu bị cáo H chuyển nhượng thửa đất còn lại để trả nợ nhưng bị cáo H lấy nhiều lý do khác nhau để hứa hẹn. Đến tháng 04/2023, bị cáo H xuất ngũ. Sau đó, bị cáo H không về lại địa phương mà bỏ đi khỏi nơi cư trú, không báo cho bất kỳ ai biết, đến ở tạm tại nhiều nơi thuộc phường Tây M, huyện Nam Từ L, TP Hà Nội để trốn tránh chủ nợ. Lúc này, bà X nghi ngờ nên mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 14 (khu B), tờ bản đồ số TĐ 01-2017, địa chỉ tổ 2, thôn Thanh M, thị trấn Thanh M, huyện N G, tỉnh Quảng Nam mà bị cáo H đã đưa cho bà X đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N G nhờ kiểm tra thì phát hiện giấy này là giả, thửa đất này đã được chuyển nhượng cho người khác. Sau đó, bà X trình báo sự việc cho cơ quan Công an.

Tại bản kết luận giám định số 135/KL-KTHS(TL) ngày 18/09/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM639127 (là giấy chứng nhận của thửa đất số 14 Khu B (tờ bản đồ số 01-2017, địa chỉ Tổ 2, Thanh M 2, Thanh M, N G mà bà X giao nộp cho Cơ quan điều tra) là giả.

Tại bản kết luận giám định số 20/KL-KTHS(TL) ngày 28/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Minh H trên giấy vay tiền (do bà X giao nộp) và chữ viết, chữ ký của Nguyễn Minh H trên các bản khai (do Bộ Đội Biên phòng tỉnh Quảng Nam cung cấp) là do 01 người ký, viết ra.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận, hành vi trên của bị cáo H là hành vi khách quan của tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự. theo

đó, thông qua các hợp đồng dân sự, bị cáo H đã có hành vi vay mượn tiền của bà Trần Thị X, sau khi nhận được tiền, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối (*sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả*) và bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tổng số tiền: 325.214.286 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu hai trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng*), cụ thể: *Đối với khoản vay 200.000.000 đồng vào ngày 08/03/2021*: Sau khi vay được tiền và đưa cho bà Trần Thị X giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 14 (khu B), tờ bản đồ số TĐ 01-2017, địa chỉ tổ 2, thôn Thạnh M, thị trấn Thạnh M, huyện N G, tỉnh Quảng Nam, ngày 10/11/2021, bị cáo H đã lợi dụng sơ hở của bà Trần Thị X lấy lại giấy chứng nhận thật và thay thế bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà bị cáo đã đặt làm từ tháng 08/2021. Lúc này, hành vi lạm dụng tín nhiệm của bị cáo H đối với bà Trần Thị X đã hoàn thành. Tại thời điểm này bị cáo H còn nợ của bà X số tiền gốc là 168.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*), đây chính là số tiền bị cáo H lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà X. Từ tháng 12/2021 đến tháng 09/2022, bị cáo H đã trả cho bà X tổng số tiền lãi bị cáo H là 39.142.857 đồng (*Ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng*) và tổng tiền gốc trả góp hàng tháng là 39.714.286 đồng (*Ba mươi chín triệu bảy trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng*). Như vậy, số tiền gốc bị cáo H còn nợ bà Xuân là 128.285.714 đồng.

Đối với khoản vay 500.000.000 đồng vào ngày 10/11/2021, sau khi vay được tiền, bị cáo H đưa cho bà X giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 13 khu B, từ tháng 12/2021 đến tháng 09/2022 bị cáo H trả được tổng số tiền lãi hàng tháng là: 97.857.143 đồng (*Chín mươi bảy triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng*) và tổng số tiền gốc trả góp hàng tháng là: 99.285.714 đồng (*Chín mươi chín triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười bốn đồng*); đồng thời sau khi chuyển nhượng được quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13 khu B và trả cho bà X số tiền 290.000.000 đồng, thì khoảng tháng 04/2023, bị cáo H bỏ trốn khỏi nơi cư trú để trốn tránh chủ nợ. Lúc này, bị cáo H còn nợ tiền gốc của bà X là: 110.714.286 đồng (*Một trăm mười triệu bảy trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng*). Như vậy, tại thời điểm này hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo H đã hoàn thành, số tiền bị cáo H còn nợ cũng chính là số tiền bị cáo đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà X.

Đối với số tiền 46.500.000 đồng mà bị cáo H đã mượn bà X nhiều lần trong năm 2021: Số tiền này, bà X và bị cáo H đều khai là bị cáo H mượn bà X nhiều lần, tổng cộng là 46.500.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) vì mục đích làm ăn, kinh doanh (không có lãi suất). Toàn bộ số tiền này, bị cáo H chưa trả được khoản tiền nào cho bà X cho đến khi bỏ trốn và bị bắt. Đây cũng được tính là số tiền mà bị cáo H đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà X.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSNG ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N G, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh H về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N G, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H từ 06 năm đến 07 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)
Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội nói trên, là 08 năm đến 10 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/6/2024.

Về dân sự: Bị cáo H phải bồi thường cho bị hại bà Trần Thị X tổng số tiền là 285.500.000đ (*Hai trăm tám mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*). Ngoài ra theo yêu cầu của bà Trần Thị X thì yêu cầu bị cáo Nguyễn Minh H phải trả lãi suất tương ứng lãi suất tối đa (20%/01 năm) và mức lãi suất quá thời hạn vay (150% của mức lãi 20%/01 năm) theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản tiền trên.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ, tạm giữ các đồ vật, tài liệu sau do bà Trần Thị X giao nộp, gồm: 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 07/03/2021 ký tên Nguyễn Minh H; 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 10/11/2021 ký tên Nguyễn Minh H; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất số 14 khu B (*tờ bản đồ số 01-2017, địa chỉ: Tổ 2, Thạnh M 2, Thạnh M, N G, Quảng Nam*). Các tài liệu này là vật chứng của vụ án nên lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

Lời nói sau cùng, bị cáo biết hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện N G, Điều tra viên; Viện Kiểm sát huyện N G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục và thời gian theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1] Về sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xét thấy, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ; bị hại và các đương sự đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan Điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do làm ăn thua lỗ, bị cáo H đã liên tục tìm kiếm các nguồn vay mượn tài chính lớn để kinh doanh và duy trì hoạt động kinh doanh mà không quan tâm đến khả năng hoàn trả nợ, sau khi vay lần thứ nhất và đến lúc không còn khả năng chi trả, bị cáo H đã đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số CM639127, là giấy chứng nhận của thửa đất số 14 Khu B, tờ bản đồ số 01-2017, địa chỉ Tổ 2, Thạnh M 2, Thạnh M, N G, Quảng Nam sau đó đánh tráo để tiếp tục kéo dài khoản vay, bị cáo H nhiều lần hứa hẹn trả tiền cho bà X, sau đó đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm mục đích không phải hoàn trả số tiền đã nợ của bà X.

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo H đều khai và thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/11/2021 đến tháng 10/2022, bị cáo H đã nhiều lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà X với tổng số tiền là: 325.214.286 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu hai trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng*). Cụ thể, đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) vào ngày 07/3/2021, bị cáo H đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của bị hại bà X số tiền 168.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*); đối với khoản vay 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) vào ngày 10/11/2021, bị cáo H đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 110.714.286 đồng (*Một trăm mười triệu bảy trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng*); đối với khoản vay nhiều lần vào năm 2021, tổng số tiền 46.500.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*), bị cáo H chưa trả được đồng nào và chiếm đoạt luôn số tiền này. Hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

[2.2] Trong quá trình vay mượn tiền của bà X, bị cáo H đã đặt làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM639127, thửa đất số 14 Khu B, tờ bản đồ số 01-2017, địa chỉ Tổ 2, Thạnh M 2, Thạnh M, N G, Quảng Nam giả và tráo đổi với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của thửa đất số 14 khu B đã giao cho bà X trước đó để làm tin đối với khoản vay vào ngày 07/3/2021, trường hợp này, bị cáo H đã chủ động cung cấp thông tin về nhân thân của mình, nhờ một người khác làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bị cáo, rồi sau đó, sử dụng giấy tờ giả này để đánh tráo nhằm lạm dụng chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Như vậy, trong chuỗi hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, bị cáo đã trực tiếp tham gia vào quá trình đó (bằng việc cung cấp thông tin nhân thân của mình; trong các tài liệu đó, bị cáo đứng tên là chủ sử dụng đất), nên phải xử phạt bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với bản kết luận giám định số 135/KL-KTHS(TL) ngày 18/09/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM639127 (là giấy chứng nhận của thửa đất số 14 Khu B (tờ bản đồ số 01-2017, địa chỉ Tổ 2, Thạnh M 2, Thạnh M, N G mà bà X giao nộp cho Cơ quan điều tra) là giả. Tại bản kết luận giám định số 20/KL-KTHS(TL) ngày 28/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Minh H trên giấy vay tiền (do bà X giao nộp) và chữ viết, chữ ký của Nguyễn Minh H trên các bản khai (do Bộ Đội Biên phòng tỉnh Quảng Nam cung cấp) là do 01 người ký, viết ra. Các vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Minh H đã phạm vào các tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung

năm 2017) có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm và tội “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N G truy tố bị cáo với các tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ đã xâm phạm đến trật tự Quản lý hành chính Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, đến các hoạt động bình thường của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức. Bị cáo có đủ năng lực nhận thức để biết rõ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác và Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức Nhà nước là vi phạm pháp luật. Do đó, cần thiết phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm giúp cho bị cáo có điều kiện học tập cải tạo trở thành người tốt, biết tôn trọng pháp luật, đồng thời cũng nhằm có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5.2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự phạm, tội lần đầu, sau khi xảy ra sự việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, ngoài ra, tại phiên tòa bị cáo H khai bị cáo đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự và nhiều năm liền là Chiến sĩ thi đua cơ sở. Nên cần áp dụng điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bị cáo có Cha là người có công được Chủ tịch nước tặng Huy chương Quân kỳ Quyết Thắng, Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Tại phiên tòa bị cáo H khai Gia đình có ông nội là Nguyễn Quang Nh là người đã lập nhiều thành tích trong phong trào thi đua yêu nước thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1961; Được tặng thưởng huy chương chiến sĩ vẻ vang; Huân chương chiến thắng; bà nội Hoàng Thị Bích H được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, đây không phải là đối tượng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm c mục 5 Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là quá nghiêm khắc đối với bị cáo do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Đối với hình phạt về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên chấp nhận.

[8] Đối với bà Trần Thị X đã cho bị cáo H vay tiền với lãi suất 02%/ 01 tháng (tương ứng 24%/01 năm) cao hơn mức lãi suất cho vay tối đa được Bộ luật Dân sự quy

định nhưng chưa quá 05 lần. Do đó, hành vi của bà Trần Thị X có dấu hiệu vi phạm hành chính. Cơ quan điều tra đã chuyển hành vi trên của bà X đến Công an huyện N G để xử lý theo thẩm quyền, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại bà Trần Thị X yêu cầu bị cáo H phải bồi thường số tiền 285.500.000 đồng. Bị cáo H đồng ý đền bù số tiền 285.500.000 đồng. Hiện nay bị cáo H đã bồi thường khắc phục hậu quả số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N G, tỉnh Quảng Nam. Số tiền còn lại 280.500.000 đồng. Nên cần buộc bị cáo H phải tiếp tục bồi thường cho bị hại bà X số tiền 280.500.000 đồng.

[10] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 175 và khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[11] Đối với địa chỉ Facebook nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM639127 (là giấy chứng nhận của thửa đất số 14 Khu B (tờ bản đồ số 01-2017, địa chỉ Tổ 2, Thạnh M 2, Thạnh M, N G, Quảng Nam giả cho bị cáo H, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với bị cáo H nhưng không xác định được nhân thân lai lịch thông tin địa chỉ Facebook nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[12] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ, tạm giữ các đồ vật, tài liệu sau do bà Trần Thị X giao nộp, gồm: 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 08/03/2021 ký tên Nguyễn Minh H; 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 10/11/2021 ký tên Nguyễn Minh H; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM639127 (là giấy chứng nhận của thửa đất số 14 Khu B (tờ bản đồ số 01-2017, địa chỉ Tổ 2, Thạnh M 2, Thạnh M, N G mà bà X giao nộp cho Cơ quan điều tra) là giả, hiện đang lưu giữ theo hồ sơ vụ án; Một đĩa ghi hình có âm thanh hỏi cung bị cáo H. Đây là vật chứng quan trọng có ý nghĩa chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng năm 2015 Hội đồng xét xử tiếp tục thu giữ và lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[13] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh H phạm các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh H 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt Bị cáo Nguyễn Minh H 02 (Hai) năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Minh H chấp hành hình phạt chung của hai tội nói trên, là 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/6/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Minh H phải bồi thường cho bị hại bà Trần Thị X số tiền 285.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng), bị cáo H đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0004529 ngày 20/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N G, tỉnh Quảng Nam. Bị cáo H phải tiếp tục bồi thường cho bà X số tiền 280.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong án, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng năm 2015 Hội đồng xét xử tuyên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: Một giấy vay tiền đề ngày 07/03/2021 ký tên Nguyễn Minh H; Một giấy vay tiền đề ngày 10/11/2021 ký tên Nguyễn Minh H; Một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM639127 là giấy chứng nhận của thửa đất số 14 Khu B, tờ bản đồ số 01-2017, địa chỉ Tổ 2, Thạnh M 2, Thạnh M, N G, Quảng Nam mà bà X giao nộp cho Cơ quan điều tra; Một đĩa ghi hình có âm thanh hỏi cung bị cáo Nguyễn Minh H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Minh H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 14.025.000 đồng (Mười bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được cấp, tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Phòng HSNV CA.Quảng Nam
- Đội Tổng hợp Công an N G;
- Phòng HSNV Sở Tư Pháp Q Nam;
- Lưu hồ sơ, án văn.
- Thi hành án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(Đã ký)

Nguyễn Nam Trung